

Bản án số: 03/2023/DS - ST.

Ngày: 01 - 02 - 2023.

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Điệp;

Bà Trần Thúy Kiều.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Thu Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 01 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/TLST-DS ngày 19/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2022/QĐXXST - DS, ngày 26 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà 406, ấp P, xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Tô Văn Y, sinh năm 1953 và bà Trần Thị N, sinh năm 1953; cùng địa chỉ: Ấp N, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/7/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N trước đây có vay tiền của bà Nguyễn Thị Thanh T, lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Sau đó hai bên chốt nợ tiền vay thì ông Y và bà N xác định còn nợ bà T số tiền là 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng), hai bên thống nhất mỗi tháng ông Y, bà N sẽ trả cho bà T 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, ông Y và bà N chỉ trả cho bà T được 322.000.000đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu đồng), số tiền còn lại là 278.000.000đồng đến nay không trả nữa.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Buộc ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N cùng có nghĩa vụ trả đủ

một lần cho bà số tiền vay còn nợ là 278.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Ngoài ra khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Y và bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả thì ông Y và bà N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

Tại đơn đề nghị ngày 24/11/2022 Tòa án công khai chứng cứ và hòa giải vắng mặt và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngày 14/01/2023, bị đơn ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N trình bày: Thừa nhận hiện nay ông Y và bà N còn nợ bà T số tiền vay gốc là 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng); ông, bà đồng ý có nghĩa vụ trả số nợ này theo yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, hiện tại do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn cũng như tuổi tác đã cao nên ông, bà xin trả dần số nợ này theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi trả dứt nợ cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Y và bà N.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T buộc bị đơn ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền vay gốc là 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng), Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của bà T, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa cũng như nội dung trình bày của ông Y, bà N tại đơn đề nghị ngày 24/11/2022 và đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ngày 14/01/2023 thì ông Y và bà N trước đây có vay tiền của bà T, lãi suất do các bên tự thỏa thuận. Sau đó, hai bên chốt nợ tiền vay thì ông Y và bà N xác định còn nợ bà T số tiền là 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng), hai bên thống nhất mỗi tháng ông Y, bà N sẽ trả cho bà T 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Tuy nhiên, ông Y và bà N chỉ trả cho bà T được 322.000.000đồng (Ba trăm hai mươi hai triệu đồng), ông Y và bà N thống nhất hiện nay còn nợ bà T số tiền 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng). Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết nêu trên là tình tiết không phải chứng minh trong vụ án nên Hội đồng xét xử khẳng định việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa bà T và ông Y, bà N là có thật, hiện nay ông Y và bà N còn nợ bà T số tiền nợ gốc là 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

[3]. Xét về giao dịch dân sự giữa bà T với ông Y và bà N thì tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, các bên tự nguyện giao kết hợp đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 117 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó căn cứ theo quy định tại Điều 274, Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, xét việc

nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông Y và bà N hoàn trả số tiền vay gốc còn nợ 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Đối với yêu cầu của bà T khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Y và bà N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho bà T thì ông Y và bà N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

[5]. Đối với việc bị đơn ông Y và bà N yêu cầu được trả dần số tiền nợ 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng) với phương thức trả dần mỗi tháng với số tiền là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Xét yêu cầu của ông Y và bà N không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà thuộc thẩm quyền của Chi cục Thi hành án dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N phải chịu 13.900.000đồng (Mười ba triệu chín trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng ông Y và bà N là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 274, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T: Buộc ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền nợ là 278.000.000đồng (Hai trăm bảy mươi tám triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N phải trả lãi cho bà T đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Tô Văn Y và bà Trần Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền giao kết thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng (P Kiểm tra nghiệp vụ và Thi hành án);
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hoàng Bảo